

Bản án số: 04/2018/HSST

Ngày: 06/02/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Nhật.
2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đy Na, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Lê Tuấn T (tên gọi khác: M), sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 137/54 đường CXD, Phường X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện tạm trú tại: khách sạn KT, đường THĐ, Khóm N, Phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Hoa; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Trần Tòng D (s) và bà Lê Thị Hồng Đ (c); Anh, chị, em ruột có: 02 người; Vợ: Võ Thị L và 01 đứa con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2017; (Bị cáo có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Văn C (B), sinh năm: 1999; Nơi cư trú: Khóm U, Phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

2. Ông P, sinh năm: 1957; Nơi cư trú: Khóm K, Phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

3. Tạ Tấn P1, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: ấp CC, xã NT, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thành T, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Khóm T, Phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

2. Lâm Văn P2, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: ấp TT, xã HĐ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

3. Trương Vũ L, sinh năm: 1993; Nơi cư trú tại: Khóm U, Phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

4. Lâm Hòa H, sinh năm: 1970; Nơi cư trú tại: Khóm WP, Phường VP, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

Người phiên dịch tiếng Hoa: Ông Trần Chiêu, Cán bộ Đảng ủy Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 03/7/2017, Công an thị xã Vĩnh Châu kết hợp với Công an phường H tiến hành bắt quả tang Trần Lê Tuấn T đang tàng trữ ma túy trong túi quần bên phải, cùng với Tạ Tấn P1 tại quán cà phê Ánh T thuộc khóm D Phường H, thị xã VC và đã thu giữ được 01 (một) bịch nylon được hàn kín hai đầu bên trong có chứa ma túy đá và vật chứng liên quan khác. Số ma túy đá nêu trên do T mua của tên P3 (không rõ họ tên và địa chỉ) tại khu vực bến xe VC vào ngày 01/7/2017 với giá 1.000.000 đồng, mục đích đem về phân chia ra để sử dụng và bán lại cho các con nghiện khác. Qua điều tra làm rõ được như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 03/7/2017, tên Trần Văn C (B) điện thoại cho bị cáo T hỏi mua ma túy 200.000 đồng để sử dụng và hẹn gặp nhau tại quán Ánh T để giao ma túy. Lúc này T lấy 01 bịch ma túy bỏ vào túi quần và điện thoại cho bạn tên Tạ Tấn P1 lấy xe mô tô biển số 65F5-9750 lại chở Thành đến quán cà phê Ánh T. Tại quán cà phê, T nói với C “*đưa tiền đây rồi tao đưa ma túy*”, do C không đủ tiền trả nên T chưa giao ma túy cho C, nên C đi về lấy tiền thì cùng lúc này Công an ập vào bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, T còn khai nhận các lần bán ma túy trước đó, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/6/2017, Trần Lê Tuấn T bán 01 bịch ma túy đá cho Trần Văn C với giá 300.000 đồng tại khu vực gần cổng chùa XB thuộc Khóm U, Phường N, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 25/6/2017, T bán 01 bịch ma túy đá cho tên C với giá 500.000 đồng tại khu vực trước quán cà phê Tân Thế G thuộc Khóm U, Phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 00 giờ ngày 30/6/2017, T bán 02 bịch ma túy đá cho tên C với giá 800.000 đồng tại khu vực lộ đất thuộc Khóm N, Phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Tại Kết luận giám định số: 34/GĐMT-PC54 ngày 06/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Mẫu tinh thể được niêm phong gửi giám định có trọng lượng 0,152gam là Methamphetamine (là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ).

Tại Cơ quan điều tra Trần Lê Tuấn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là có mua ma túy về sử dụng và 04 lần bán lại cho con nghiện tên Trần Văn C để hưởng lợi bất chính.

Tại Cáo trạng số: 41/QĐ-KSĐT ngày 23/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã truy tố bị cáo Trần Lê Tuấn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Lê Tuấn T thừa nhận hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” cho các con nghiện đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Xét thấy, hành vi của bị cáo Trần Lê Tuấn T có đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Lê Tuấn T, phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Lê Tuấn T từ 07 năm tù đến 08 năm tù; Phạt bổ sung bị cáo T từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm 01 điện thoại di động màu xanh hiệu GIONEE do bị cáo T sử dụng làm công cụ phạm tội và số tiền 20.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có;

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 bịch (túi) nylon được hàn kín bên trong có chứa Methamphetamine trọng lượng 0,152g đã niêm phong; 03 bịch nylon màu trắng đã cắt một đầu; 01 nắp nhựa màu xanh phía trên có đục 02 lỗ; 03 hộp quẹt ga đã qua sử dụng; 02 cây kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01 đoạn ống thủy tinh màu trắng đã qua sử dụng; 01 đoạn ống nhựa màu đen đã qua sử dụng và sim số điện thoại 0907653677.

Buộc bị cáo T nộp truy thu số tiền 1.600.000 đồng do thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

- Tại phiên tòa, bị cáo Trần Lê Tuấn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố và thống nhất ý kiến đề nghị của vị Kiểm sát viên; Về hình phạt: Bị cáo T xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

- Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng thống nhất với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và lời trình bày của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị

cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tạ Tấn P, Trần Văn C và những người làm chứng Nguyễn Thành T, Lâm Văn P3 Trương Vũ Lg và Lâm Hòa H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa vị Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa cũng đề nghị xét xử vắng mặt những người nêu trên. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Lời nhận tội của bị cáo Thành tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Trần Lê Tuấn T đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho con nghiện tên Trần Văn C (04 lần) để thu lợi bất chính với số tiền là 1.600.000 đồng. Xét thấy, hành vi của bị cáo T đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cho nên, Cáo trạng số: 41/QĐ-KSĐT ngày 23/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Trần Lê Tuấn T, phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Lê Tuấn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là không oan sai và thống nhất với ý kiến luận tội của vị Kiểm sát viên; Bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

[5] Động cơ phạm tội của bị cáo Thành là do bản chất lười biếng lao động, để có tiền tiêu xài và có tiền mua ma túy về sử dụng, nên bị cáo T đã chủ động mua ma túy về tự phân chia thành những tép nhỏ vừa để sử dụng, vừa bán lại cho các con nghiện để thu lợi bất chính. Ý thức chủ quan của bị cáo Thành là phạm tội do cố ý.

[6] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được rằng ma túy là chất gây nghiện, nó làm cho con người lười biếng lao động và làm ảnh hưởng đến sự phát triển giống nòi, dân tộc. Nghiêm trọng hơn là chính ma túy là một trong những nguồn lây nhiễm HIV/AIDS cho cộng đồng và các bệnh truyền nhiễm khác từ việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo cho người khác sử dụng. Đồng thời bị cáo vẫn biết việc mua bán trái phép chất ma túy (Methamphetamine) là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi mua bán ma túy nhằm thu lợi bất chính để phục vụ lợi ích cá nhân. Hành vi của bị cáo Thành đã xâm phạm đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương và làm cho quần chúng

nhân dân không an tâm, hoang mang lo sợ. Nên cần phải có một mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Trong khoảng thời gian ngắn từ ngày 21/6/2017 đến ngày 03/7/2017 bị cáo T đã liên tục trực tiếp 04 lần bán ma túy cho con nghiện tên Trần Văn C tại các địa điểm khác nhau. Đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Phạm tội nhiều lần*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nên không xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy tại khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội có thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và tự thú về hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” trước đó; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, người dân tộc Hoa và có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật cũng còn hạn chế. Do đó cần áp dụng điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các điểm b, c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- + Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm 01 điện thoại di động màu xanh hiệu GIONEE do bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội và số tiền 20.000 đồng do bị cáo Thành phạm tội mà có;

- + Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 bịch (túi) nylon được hàn kín bên trong có chứa Methamphetamine trọng lượng 0,152gam đã niêm phong; 03 bịch nylon màu trắng đã cắt một đầu; 01 nắp nhựa màu xanh phía trên có đục 02 lỗ; 03 hộp quẹt ga đã qua sử dụng; 02 cây kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01 đoạn ống thủy tinh màu trắng đã qua sử dụng; 01 đoạn ống nhựa màu đen đã qua sử dụng và sim số điện thoại 0907653677.

Theo phiếu nhập kho số: NK08 ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

- + Buộc bị cáo Trần Lê Tuấn T nộp truy thu lại tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước với số tiền là 1.600.000 đồng.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Lê Tuấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Đối với Tạ Tấn P2 có sử dụng chiếc xe mô tô biển số 65F5-9750 chở bị cáo T đi bán ma túy. Qua kết quả điều tra cho thấy, khi chở bị cáo T đến quán cà phê Ánh Trăng thì P1 không biết bị cáo T đi bán ma túy cho Trần Văn C và bị cáo T cũng không có nói cho Phát biết. Xét thấy, Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu chưa đủ căn cứ để khởi tố xử lý Tạ Tấn P2 với vai trò đồng phạm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng với quy định của pháp luật.

[12] Tại phiên tòa, ông Ong P cho rằng chiếc xe mô tô biển số 65F5-9750 ông P là người quản lý hợp pháp. Việc Tạ Tấn P2 mượn chiếc xe mô tô nêu trên chở bị cáo T đi bán ma túy là ông Phi không biết. Xét thấy, Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu chưa đủ căn cứ để khởi tố xử lý ông Ong P với vai trò đồng phạm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và xử lý trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho ông P là đúng với quy định của pháp luật.

[13] Đối với tên P3 là người bán ma túy cho bị cáo T, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ của tên P3. Xét thấy, Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu chưa đủ căn cứ để khởi tố xử lý tên P3 với vai trò đồng phạm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng với quy định của pháp luật.

[14] Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Lê Tuấn T (M), phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ vào: Điểm b Khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Trần Lê Tuấn T (M): **07 (bảy) năm tù**. Thời gian phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 03/7/2017; Phạt bổ sung bị cáo Trần Lê Tuấn T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điểm b, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm 01 điện thoại di động màu xanh hiệu GIONEE và số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 bịch (túi) nylon được hàn kín bên trong có chứa Methamphetamine trọng lượng 0,152gam đã niêm phong; 03 bịch nylon màu trắng đã cắt một đầu; 01 nắp nhựa màu xanh phía trên có đục 02 lỗ; 03 hộp quẹt ga đã qua sử dụng; 02 cây kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01 đoạn ống thủy tinh màu trắng đã qua sử dụng; 01 đoạn ống nhựa màu đen đã qua sử dụng và sim số điện thoại 0907653677.

Theo phiếu nhập kho số: NK08 ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

+ Buộc bị cáo Trần Lê Tuấn T nộp truy thu lại tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước với số tiền là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Lê Tuấn T phải chịu là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).”

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TXVC;
- CA TXVC;
- THADS TXVC;
- Sở TP TST;
- BC, NCQLNVLQ;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương